

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 4086 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu công nghiệp Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tại Tờ trình số 1370/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 22 tháng 8 năm 2017; của Sở Xây dựng tại văn bản số 5000/SXD-QH ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Thuộc địa giới hành chính xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá. Diện tích lập quy hoạch khoảng 150ha, ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc giáp khu dân cư thôn Giao (thôn Quang Lộc);
- Phía Tây Nam giáp đường vành đai thị trấn Ngọc Lặc;
- Phía Đông Nam giáp đường dây điện 500KV;
- Phía Tây Bắc giáp đường Hồ Chí Minh.

2. Tính chất, chức năng:

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành của tỉnh, ưu tiên các ngành công nghiệp: chế biến nông sản, chế biến lâm sản, sản xuất dược liệu, chế biến gỗ, sản xuất mặt hàng xuất khẩu, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ vận tải...

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

3.1. Chỉ tiêu dân số: Dự báo quy mô lao động khoảng 8.466 lao động.

3.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Đất giao thông: 15,7 %;
- Nhu cầu lượng nước cấp: 4.437 m³/ngđ (chỉ tiêu từ 40 -45 m³/ha/ngày).
- Thoát nước: 90% lượng nước cấp.
- Cấp điện công nghiệp: từ 250-350 KW/ha, tổng nhu cầu 15.678 KVA.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Ký hiệu/ Loại đất	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng	Tầng cao	HS SDĐ	Tỷ lệ %
A	Đất sản xuất công nghiệp	84.67				56.45
1	- CN1	4.48	50-60	1-2	1.20	2.99
2	- CN2	5.40	50-60	1-2	1.20	3.60
3	- CN3	3.70	50-60	1-2	1.20	2.47
4	- CN4	2.94	50-60	1-2	1.20	1.96
5	- CN5	1.72	50-60	1-2	1.20	1.15
6	- CN6	1.69	50-60	1-2	1.20	1.13
7	- CN7	3.56	50-60	1-2	1.20	2.37
8	- CN8	2.83	50-60	1-2	1.20	1.89

STT	Ký hiệu/ Loại đất	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng	Tầng cao	HS SĐĐ	Tỷ lệ %
9	- CN9	1.87	50-60	1-2	1.20	1.25
10	- CN10	1.86	50-60	1-2	1.20	1.24
11	- CN11	3.20	50-60	1-2	1.20	2.13
12	- CN12	2.98	50-60	1-2	1.20	1.99
13	- CN13.1	2.45	50-60	1-2	1.20	1.63
14	- CN13.2	2.46	50-60	1-2	1.20	1.64
15	- CN14	2.08	50-60	1-2	1.20	1.39
16	- CN15	2.85	50-60	1-2	1.20	1.90
17	- CN16.1	3.35	50-60	1-2	1.20	2.23
18	- CN16.2	3.33	50-60	1-2	1.20	2.22
19	- CN16.3	3.35	50-60	1-2	1.20	2.23
20	- CN16.4	5.02	50-60	1-2	1.20	3.35
21	- CN17	3.29	50-60	1-2	1.20	2.19
22	- CN18.1	3.43	50-60	1-2	1.20	2.29
23	- CN18.2	3.44	50-60	1-2	1.20	2.29
24	- CN19.1	3.40	50-60	1-2	1.20	2.27
25	- CN19.2	2.96	50-60	1-2	1.20	1.97
26	- CN19.3	3.37	50-60	1-2	1.20	2.25
27	- CN19.4	3.66	50-60	1-2	1.20	2.44
B	Đất điều hành, TM	8.35				5.57
1	- CC	2.82	30-40	2-5	2.00	1.88
2	- TM1	3.27	30-40	1-4	1.60	2.18
3	- TM2	2.26	30-40	1-4	1.60	1.51
C	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	2.77				1.85
1	- HT1A	0.50	30-40	-	-	0.33
2	- HT1B	0.67	30-40	-	-	0.45
3	- HT2	1.60	30-40	-	-	1.07
D	Đất cây xanh, cách ly, mặt nước	30.55				20.37
1	- CL1	0.81	-	-	-	0.54
2	- CL2	0.58	-	-	-	0.39
3	- CL3	0.54	-	-	-	0.36
4	- CL4	0.87	-	-	-	0.58
5	- CX1	6.97	-	-	-	4.65
6	- CX1'	0.13	-	-	-	0.09
7	- CX2	7.83	-	-	-	5.22
8	- CX3	2.43	-	-	-	1.62
9	- CX4	3.61	-	-	-	2.41
10	- CX5	0.96	-	-	-	0.64
11	- MN1	4.12	-	-	-	2.75
12	- MN2	1.70	-	-	-	1.13
E	Đất giao thông	23.66				15.77
F	Tổng	150.00				100.00

5. Phân khu chức năng:

5.1. Đất trung tâm điều hành, dịch vụ tổng hợp cho khu công nghiệp

a) Đất trung tâm điều hành quản lý khu công nghiệp được xác định gồm: Ban quản lý khu công nghiệp; khu vực trưng bày và giới thiệu sản phẩm trong của khu công nghiệp, các văn phòng đại diện của các nhà máy trong và ngoài khu công nghiệp v.v.

- Quy mô diện tích lô đất: 2.82 ha.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Mật độ xây dựng: 30-40%; tầng cao công trình: từ 2-5 tầng; hệ số sử dụng đất: 2.0 lần.

b) Đất dịch vụ tổng hợp cho khu công nghiệp bao gồm chủ yếu là đất dịch vụ, thương mại phục vụ cán bộ, công nhân trong khu công nghiệp, gồm các khu:

- Khu đất xây dựng chủ yếu các công trình phục vụ cán bộ công nhân viên trong khu công nghiệp (ký hiệu TM-01): Quy mô diện tích: 3.27ha; Mật độ xây dựng: 30-40%; tầng cao công trình: từ 1-4 tầng; hệ số sử dụng đất: 1.6 lần.

- Khu đất xây dựng các công trình phục vụ việc trưng bày và giới thiệu sản phẩm, đồng thời xây dựng các công trình mang tính chất quảng bá cho khu công nghiệp (ký hiệu TM-02): Quy mô diện tích: 2.26ha; Mật độ xây dựng: 30-40%; tầng cao công trình: từ 1-4 tầng; hệ số sử dụng đất: 1.6 lần.

5.2. Đất sản xuất công nghiệp:

Trên cơ sở phương án quy hoạch, dự kiến phân đất công nghiệp làm 3 loại:

+ Đất công nghiệp sạch: Được bố trí chủ yếu tiếp giáp với tuyến đường vành đai thị trấn hiện nay.

+ Đất công nghiệp ít có khả năng ô nhiễm: Được bố trí chủ yếu dọc tuyến đường Trung tâm khu công nghiệp.

+ Đất công nghiệp có khả năng ô nhiễm: Được bố trí chủ yếu phía Bắc.

Phân bổ các lô đất theo môđul để thuận lợi cho đầu tư các nhà xưởng sản xuất. Căn cứ vào quá trình đầu tư cụ thể sẽ có dây chuyền công nghệ liên kết thích hợp trong toàn khu vực.

Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Hạ tầng trong hàng rào nhà máy đảm bảo phù hợp với yêu cầu công nghệ và đảm bảo chất lượng môi trường

cảnh quan cho khu vực. Hạ tầng ngoài hàng rào kết nối đồng bộ, hiện đại, toàn bộ chất thải của nhà máy phải được xử lý trước đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Quy mô diện tích: 84.67 ha.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Mật độ xây dựng công trình chiếm 50-60%, tầng cao công trình từ 1 - 2 tầng; Hệ số sử dụng đất 1.2 lần.

5.3. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối:

- Bao gồm đất bố trí trạm điện, trạm xử lý nước thải và các công trình hạ tầng đầu mối của KCN. Các khu đất này được bố trí cạnh đường các tuyến đường giao thông thuận lợi cho việc đầu nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu công nghiệp.

- Quy mô diện tích: 2.77 ha; mật độ xây dựng 30-40%.

5.4. Đất cây xanh, cây xanh cách ly, mặt nước:

Quy mô diện tích: 30.55ha.

- Giải pháp phân bố: Đất cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, sông suối mặt nước, bố trí phân tán trên toàn khu quy hoạch. Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu cách ly và góp phần tạo lập cảnh quan cho khu công nghiệp.

- Khai thác triệt để các khe suối để hình thành các khu vực cây xanh nhằm cân bằng sinh thái cho khu vực. Đồng thời cũng là các hành lang thoát lũ tránh ảnh hưởng đến khu vực sản xuất công nghiệp. Ngoài ra trong triển khai chi tiết các nhà máy công nghiệp sẽ bố trí mật độ cây xanh hợp lý trong khu vực nhà máy góp phần cải thiện môi trường sản xuất, tạo tiện nghi lao động cho người công nhân.

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Quản lý chặt chẽ, không để các doanh nghiệp lấn chiếm hay đổ đất đá thải xuống các khe suối làm giảm dòng chảy khi có lũ.

- Cây xanh cách ly khu công nghiệp có tác dụng cách ly khu công nghiệp với các khu chức năng khác của đô thị, cây xanh này có tác dụng chống ồn, chống bụi ... hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của khu vực sản xuất công nghiệp tới khu dân cư.

- Mặt nước: Trong khu vực có các hồ nước hiện có.... phần mặt nước này cơ bản được giữ lại theo hiện trạng một phần ổn định lượng nước tưới phục vụ vùng nông nghiệp phía Bắc, một phần giúp điều hòa và cải thiện đáng kể điều kiện môi trường đồng thời tăng yếu tố cảnh quan trong khu vực.

5.5. Đất giao thông:

- Giải pháp phân bố: bao gồm diện tích các tuyến đường giao thông đối ngoại: đường vành đai, nút giao thông theo quy hoạch. Hệ thống giao thông đối nội đảm bảo tiếp cận thuận tiện đến từng lô đất.

- Quy mô diện tích: 23.66 ha.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Quy hoạch san nền:

- Nguyên tắc thiết kế: Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sạt lở, thoát nước mặt thuận lợi, tạo mặt bằng thuận lợi để xây dựng, kinh phí cho công tác chuẩn bị mặt bằng là thấp nhất.

- San nền cục bộ được tiến hành gồm 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Tạo mặt bằng sơ bộ trên diện lớn với độ dốc tối đa khoảng 4% (2 diện lớn được xác định là diện phía Bắc tuyến Trung tâm và diện phía Nam tuyến trung tâm; các diện lớn này cơ bản được san tương đối bằng phẳng để kêu gọi và thu hút đầu tư).

Công tác san nền trong giai đoạn này chủ yếu là san gạt cục bộ các đồi bát úp để san lấp xuống các khu vực trũng (hồ, ao ...); khối lượng đào đắp được cân bằng.

+ Giai đoạn 2: San lấp để xây dựng các tuyến giao thông chính; giai đoạn này chủ yếu công tác đào khuôn đường và thực hiện thi công kết cấu áo đường.

+ Giai đoạn 3: Giai đoạn thi công san nền hoàn thiện cục bộ trong từng khu vực sản xuất, khối lượng đào đắp được cân bằng.

Các khu vực sản xuất khác nhau có thể có cao độ nền xây dựng khác nhau; chênh cao nền giữa các khu vực được xác định cụ thể tùy theo mô hình sản xuất của các khu vực sản xuất; chênh cao nền giữa các khu vực sản xuất được thiết kế kè cứng hoặc taluy đất đảm bảo yêu cầu vận hành sản xuất cũng như các yêu cầu về an toàn sử dụng công trình.

- Cao độ san nền thấp nhất: 49.0m.

- Cao độ san nền cao nhất: 85.0m.

6.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống tròn BTCT đường kính D600 – D800 chạy dọc dưới vỉa hè các tuyến đường của KCN. Nước mưa được thu gom bằng các giếng thu nằm dưới mặt đường, với khoảng cách trung bình 30 – 40 m/giếng.

- Toàn bộ khu vực nghiên cứu có 02 lưu vực thoát chính: Khu vực phía Bắc tuyến đường trung tâm khu công nghiệp được thoát về phía Bắc thoát ra hồ Múi Trâu và hồ Lâm Kinh; khu vực phía Nam tuyến đường trung tâm khu công nghiệp được thoát về hệ thống thoát nước mưa của tuyến đường vành đai của thị trấn Ngọc Lặc.

6.3. Quy hoạch giao thông:

- Mạng lưới các tuyến đường trong khu công nghiệp chủ yếu cũng tuân thủ theo 2 hướng cơ bản Đông - Tây và Bắc - Nam tạo thành mạng giao thông dạng bàn cờ.

- Đường giao thông trong khu công nghiệp gồm các loại đường sau:

- Tuyến đường trục chính trung tâm (MC 1-1): Lộ giới 33.0m; mặt đường $9.0\text{m} \times 2 = 18.0\text{m}$; giải phân cách giữa: 3.0m; Hè đường: $6.0\text{m} \times 2 = 12.0\text{m}$; đất cây xanh: $2.0\text{m} \times 2 = 4.0\text{m}$;

- Tuyến đường có mặt cắt 2-2: Lộ giới 30.0m mặt đường $7.5\text{m} \times 2 = 15.0\text{m}$; giải phân cách giữa: 5.0m; Hè đường: $5.0\text{m} \times 2 = 10.0\text{m}$; đất cây xanh: $2.0\text{m} \times 2 = 4.0\text{m}$;

- Tuyến đường có mặt cắt 3-3: Lộ giới 27.0m mặt đường 15.0m; Hè đường: $6.0\text{m} \times 2 = 12.0\text{m}$; đất cây xanh: $2.0\text{m} \times 2 = 4.0\text{m}$;

- Tuyến đường có mặt cắt 4-4: Lộ giới 20.5m mặt đường 10.5m; Hè đường: $5.0\text{m} \times 2 = 10.0\text{m}$; đất cây xanh: $2.0\text{m} \times 2 = 4.0\text{m}$.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu dùng điện: 15.678 KVA.

- Nguồn điện: Từ trạm biến áp 110/35 Ngọc Lặc theo quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Lưới điện trung áp sử dụng cáp bọc đi ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC để đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với tuyến điện trung áp đi ngầm dùng dây cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Lưới trung áp được đầu tư tuyến điện trung thế đến hàng rào các lô đất tùy theo modul đã định.

- Điện chiếu sáng các tuyến: Được thiết kế đi ngầm tách riêng với hệ thống tủ điều khiển chiếu sáng đóng mở tự động được lắp đặt tại khu vực các TBA; điện chiếu sáng được thiết kế 2 bên đường với các tuyến đường chính khu công nghiệp, các tuyến còn lại thiết kế chiếu sáng 1 bên.

- Trạm biến áp: Trạm biến áp và công suất của các lô đất công nghiệp được xác định phụ thuộc vào quy mô đầu tư của từng giai đoạn, ở giai đoạn hoàn thiện khu công nghiệp tổng công suất cấp điện toàn khu vực khoảng 15.6 MKVA; do vậy cần bố trí 8 trạm biến áp (1 trạm công suất 1000KVA và 7 trạm công suất 2x1000 KVA).

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu lượng nước cấp cho KCN là: 4437 m³/ngày.

- Nguồn nước cấp cho khu vực nghiên cứu dự tính lấy từ đường ống cấp nước D300 theo quy hoạch chung đô thị trung tâm miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa; nguồn nước cấp từ Nhà máy nước Ngọc Lặc.

- Tiêu chuẩn dùng nước cho đối với các ngành sản xuất công nghiệp khác nhau trong KCN, trung bình là:

+ Đối với công nghiệp sản xuất rượu bia, sữa, đồ hộp, chế biến thực phẩm, giấy, dệt: 45 m³/ha/ngày.

+ Đối với các ngành công nghiệp: 40 m³/ha/ngày.

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng kết hợp với mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hỏa và mọi nhu cầu khác. Ống cấp nước thiết kế sử dụng ống HDPE; ống cấp nước sử dụng ống có đường kính D110 đến D160mm. Chiều sâu chôn ống cấp nước chính $h_{min} = 0,5 \div 0,7$ m so với mặt hè. Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế. Các trụ cứu hỏa chọn loại nổi D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa trung bình 125-150 m/ trụ.

6.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Sau khi sử lý nước thải cục bộ từ cơ sở sản xuất công nghiệp, nước thải được đưa về hệ thống thoát nước thải chung toàn khu, thiết kế theo nguyên lý tự chảy hoàn toàn đến trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp bằng ống nhựa đường kính D300 để xử lý theo quy định về môi trường.

- Vệ sinh môi trường:

Một số giải pháp cơ bản khắc phục ô nhiễm môi trường khi hình thành khu quy hoạch:

+ Tăng cường trồng cây xanh theo các trục đường, khu vực cách ly, bảo đảm mật độ cây xanh cho toàn KCN và trong các nhà máy, xí nghiệp tập trung.

+ Tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải rắn 100%, tại các xí nghiệp công nghiệp, khu công trình công cộng... bố trí các điểm thu gom rác thải tập trung, chất thải được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải chung của khu đô thị Ngọc Lặc.

6.7. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc được cung cấp từ bưu cục thị trấn Ngọc Lặc

- Hệ thống thông tin liên lạc sử dụng đường dây cáp ngầm luồn trong ống HDPE chạy dọc theo vỉa hè đường giao thông. Hệ thống cáp thông tin liên lạc được đầu tư đến các tủ chia cáp thông tin trong hàng rào khu công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp có trách nhiệm:

- Kiểm tra, xác nhận hồ sơ, bản vẽ thiết kế quy hoạch theo quyết định phê duyệt để làm cơ sở pháp lý, thực hiện các bước tiếp theo.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Ngọc Lặc tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết để thực hiện và giám sát thực hiện.

- Tổ chức cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy định tại Thông tư số: 15/2010/TT-BXD ngày 27/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch được duyệt và xử lý việc xây dựng sai quy hoạch theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng Quy chế quản lý Khu Công nghiệp; chương trình phát triển; kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ cụ thể của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo đúng quy hoạch và quy định hiện hành của pháp luật.

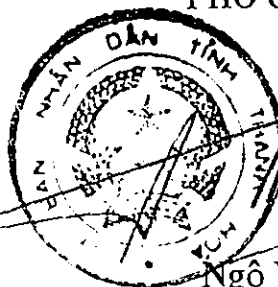
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2017)QDPD_QH1-500 KCN Ngọc Lặc.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn